

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HẢI
TỈNH BẠC LIÊU

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 191/2024/HNGĐ-ST

Ngày: 12 - 12 - 2024

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HẢI, TỈNH BẠC LIÊU

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Tăng Giàu

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Minh Hoàng

Ông Nguyễn Văn Tịnh

Thư ký phiên tòa: Bà Đỗ Thị An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa: Ông Trần Đăng Khoa - Kiểm sát viên.

Ngày 12 tháng 12 năm 2024 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 449/2024/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 10 năm 2024 về việc tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 210/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 27 tháng 11 năm 2024, giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn:** Ông Lê Văn T, sinh năm 1969; địa chỉ ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

- **Bị đơn:** Bà Nguyễn Thị T1, sinh năm 1974; cư trú tại ấp B, xã L, huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu.

(Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 xin xét xử vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 28 tháng 8 năm 2024 và trong quá trình tố tụng nguyên đơn trình bày: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 sống chung vào khoảng năm 1991. Có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán địa phương. Nhưng chưa đi đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật. Quá trình chung sống vợ chồng, thời gian đầu chung sống hạnh phúc, thời gian sau này vợ chồng có cự cãi do bất đồng quan điểm, hiện tại ông bà không còn sống chung khoảng 05 năm. Nay ông Lê Văn T yêu cầu ly hôn với bà Nguyễn Thị T1.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có 03 người con chung tên Lê Kiều M, sinh năm 1992; Lê Diệu H, sinh năm 1994 và Lê Tấn P,

sinh năm 2002, hiện tại các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Bị đơn bà Nguyễn Thị T1 trình bày: Thống nhất với phần trình bày của ông Lê Văn T về hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ. Quá trình chung sống hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm. Nay ông Lê Văn T yêu cầu ly hôn thì bà thống nhất tự nguyện thuận tình ly hôn.

Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có 03 người con chung tên Lê Kiều M, sinh năm 1992; Lê Diệu H, sinh năm 1994 và Lê Tấn P, sinh năm 2002, hiện tại các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung và nợ: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ ai nên không yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu phát biểu quan điểm:

Về thủ tục tố tụng: Quá trình thụ lý giải quyết vụ án và tại phiên tòa hôm nay, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định Luật tố tụng dân sự; nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ theo quy định.

Về nội dung vụ án: Năm 1991, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chung sống trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức đám cưới theo phong tục tại địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông T và bà T1 là không hợp pháp. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà T1, căn cứ vào các Điều 8, 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng. Về con chung: Ông T và bà T1 có 03 người con chung tên Lê Kiều M, sinh năm 1992; Lê Diệu H, sinh năm 1994 và Lê Tấn P, sinh năm 2002, hiện tại các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết. Về tài sản chung và nợ: Ông T và bà T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, không có nợ ai nên không xem xét, giải quyết. Về án phí hôn nhân và gia đình ông Lê Văn T phải chịu theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, phát biểu của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hải, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Ông Lê Văn T khởi kiện yêu cầu ly, bị đơn bà Nguyễn Thị T1 có địa chỉ cư trú tại huyện Đ, tỉnh Bạc Liêu. Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân

sự, đây là vụ án dân sự về tranh chấp ly hôn và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

[2] Về sự vắng mặt các đương sự: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt và được Tòa án chấp nhận; căn cứ các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1.

[3] Về nội dung vụ án: Năm 1991, ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 chung sống trên tinh thần tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tại địa phương nhưng đến nay chưa đăng ký kết hôn nên hôn nhân giữa ông T và bà T1 là không hợp pháp. Nay ông T yêu cầu ly hôn với bà T1, căn cứ vào các Điều 8, 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình không công nhận ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng.

[4] Về con chung: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có 03 người con chung tên Lê Kiều M, sinh năm 1992; Lê Diệu H, sinh năm 1994 và Lê Tấn P, sinh năm 2002. Xét thấy, hiện tại các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về tài sản chung và nợ: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, ông bà không có nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

[6] Về án phí: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T tự nguyện nộp thay bà T1 số tiền án phí nêu trên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, các điểm a, b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 228, các điểm a, b khoản 1 Điều 238 của Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 8, 9, 14, 51, 53 Luật hôn nhân và gia đình; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết số 01/2024/NQ-HĐTP ngày 16/5/2024 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao về hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật trong giải quyết vụ việc về hôn nhân và gia đình.

1. Về hôn nhân: Không công nhận ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 là vợ chồng.

2. Về con chung: 03 người con chung tên Lê Kiều M, sinh năm 1992; Lê Diệu H, sinh năm 1994 và Lê Tấn P, sinh năm 2002, hiện tại các con đã trưởng thành và có khả năng tự lao động nuôi sống bản thân nên không xem xét, giải quyết.

3. *Về tài sản chung và nợ*: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 tự thỏa thuận về tài sản chung, ông bà không có nợ ai, không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

4. Về án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm: Ông Lê Văn T tự nguyện chịu số tiền 150.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm. Ông T đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng theo biên lai thu số 0010623 ngày 02/10/2024 được đối trừ. Hoàn trả cho ông T số tiền 150.000 đồng tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Đông Hải, tỉnh Bạc Liêu.

5. Về quyền kháng cáo: Ông Lê Văn T và bà Nguyễn Thị T1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày bản án được tổng đạt hợp lệ hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND tỉnh Bạc Liêu;
- VKSND huyện Đông Hải;
- CCTHADS huyện Đông Hải;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

(đã ký)

Tăng Giàu